

Hải Phòng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Số: 298/TB-BVBNDHD

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá may đo quần áo cho cán bộ công nhân viên bệnh viện
năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty, các hãng sản xuất, nhà cung cấp

Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương đang thực hiện xây dựng kế hoạch mua sắm may đo quần áo cho cán bộ công nhân viên Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương năm 2025.

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch mua sắm theo kế hoạch nêu trên. Bệnh viện kính mời Quý Công ty, các hãng sản xuất, nhà cung cấp có năng lực vui lòng cung cấp thông tin và báo giá hàng hóa để tham khảo, làm cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, với nội dung cụ thể sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương
2. Địa chỉ: 241, Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng.
3. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá
 - Ông: Vũ Xuân Hiền
 - Chức vụ: Phòng Hành chính tổng hợp
 - Điện thoại liên hệ: 0946500777
 - Địa chỉ Email: chaogiabv@gmail.com
4. Cách thức tiếp nhận báo giá
 - Cách 1: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Phòng Hành chính tổng hợp, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương (Địa chỉ 241, Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng).
 - Cách 2: Nộp qua địa chỉ Email: chaogiabv@gmail.com
5. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 29/8/2025 đến 17h00 phút ngày 08/9/2025.

6. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục báo giá: Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm (Lưu ý: Báo giá bao gồm các loại thuế, in tên bệnh viện, chi phí vận chuyển và giao hàng tận nơi)
2. Địa điểm cung cấp, giao nhận: Tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương
3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
4. Báo giá phải bao gồm đầy đủ các thông tin: Quy cách sản phẩm, chất liệu, thông số kỹ thuật, xuất xứ.





5. Thiết kế theo mẫu đồng phục bệnh viện.

6. Đo trực tiếp tại bệnh viện, may đúng kích cỡ từng người, bảo đảm chất lượng và tiến độ giao hàng.

III. Hồ sơ chào giá

1. Bảng báo giá chi tiết: 01 bản chính bằng tiếng Việt (Có đầy đủ chữ ký và đóng dấu đỏ người đại diện pháp luật của Công ty).

2. Hồ sơ năng lực của đơn vị.

3. Hình ảnh minh họa mẫu sản phẩm (nếu có)

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: CNTT, HCTH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tường



PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo thông báo số 298/TB-BV/BND/HD ngày 29/8/2025 của Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương)

STT	Tên sản phẩm	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật				DVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Trang phục bác sỹ dài tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Xuất xứ: Việt Nam - Thông số: - Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 - Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DọcxNgang) 455x314±2 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DọcxNgang) 45.0x47.9±0.2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DọcxNgang) 931/Zx1041/Z ±2 - Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(DọcxNgang) 17.6x12.2 ±0.2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcxNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 - Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 - Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi đối với nam (2 túi đối với nữ), có khuy cài bên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, trên ngực trái in tên bệnh viện. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau				Bộ	19		
2	Trang phục bác sỹ ngắn tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Xuất xứ: Việt Nam - Thông số: - Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 - Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DọcxNgang) 455x314±2				Bộ	19		

[illegible]

							+ Áo nữ: Cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,3cm. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau
4	Trang phục điều dưỡng ngắn tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thông số: - Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 - Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DọcxNgang) 455x314±2 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DọcxNgang) 45.0x47.9±0.2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DọcxNgang) 931/Zx1041/Z ±2 - Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(DọcxNgang) 17.6x12.2 ±0.2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077/ISO 6330:2021)(DọcxNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 - Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) - Polyester 64.3 ±0.5 - Cotton 35.7 ±0.5 + Áo nam: Cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,3cm. + Áo nữ: Cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,3cm. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	26			
5	Trang phục điều dưỡng màu xanh ngắn tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu xanh - Thông số: - Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 - Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DọcxNgang) 455x314±2 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DọcxNgang) 45.0x47.9±0.2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DọcxNgang) 931/Zx1041/Z ±2	Bộ	19			

		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(DọcNgang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi đối với nam (2 túi đối với nữ), có khuy cài bên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau			
6	Trang phục váy điều dưỡng dài tay (Kèm theo quần đùi váy)	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DọcNgang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DọcNgang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DọcNgang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(DọcNgang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Áo liền váy cổ 2 ve, dài tay, chiều dài váy quá gối 5cm đến 10cm, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. Túi, tay áo và cổ áo có viền xanh dương. Kích thước viền rộng 0,3cm + Quần lót váy vải cotton màu trắng	Bộ	2	
7	Trang phục váy điều dưỡng ngắn	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thông số:	Bộ	3	

	tay (Kèm theo quần đùi váy)	Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(Dọc\Ngang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(Dọc\Ngang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(Dọc\Ngang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(Dọc\Ngang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(Dọc\Ngang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÀP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Áo liền váy cổ 2 ve, ngắn tay, chiều dài váy quá gối 5cm đến 10cm, phía trước có 2 túi, khuy cài bên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. Túi, tay áo và cổ áo có viền xanh dương. Kích thước viền rộng 0,3cm + Quần lót váy vải cotton màu trắng				
8	Trang phục kỹ thuật viên dài tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(Dọc\Ngang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(Dọc\Ngang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(Dọc\Ngang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(Dọc\Ngang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(Dọc\Ngang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÀP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	16		

9	Trang phục kỹ thuật viên ngắn tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(ĐộcxNgang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(ĐộcxNgang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(ĐộcxNgang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(ĐộcxNgang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(ĐộcxNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang mỏng, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	6		
10	Trang phục được sỹ dài tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(ĐộcxNgang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(ĐộcxNgang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(ĐộcxNgang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(ĐộcxNgang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(ĐộcxNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5	Bộ	10		

						+ Áo: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi đối với nam (2 túi đối với nữ), có khuy cài bên tên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau
11	Trang phục được sử dụng tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DọcxNgang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DọcxNgang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DọcxNgang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(DọcxNgang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcxNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi đối với nam (2 túi đối với nữ), có khuy cài bên tên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	6		
12	Trang phục hộ lý dài tay màu xanh hoà bình	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu hoà bình - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DọcxNgang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DọcxNgang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DọcxNgang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(DọcxNgang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DọcxNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2	Bộ	2		

13	Trang phục hộ lý ngắn tay màu xanh hoà bình	Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP)(ISO 105-C06 AIS:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau - Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu xanh hoà bình - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DocxNgang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DocxNgang) 45.0x47.9±0.2 Độ sản sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DocxNgang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(DocxNgang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(DocxNgang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP)(ISO 105-C06 AIS:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo: Cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	6		
14	Trang phục Kiểm soát nhiễm khuẩn màu xanh ngắn tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate Ford hoặc tương đương - Màu sắc: màu xanh - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(DocxNgang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(DocxNgang) 45.0x47.9±0.2 Độ sản sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(DocxNgang) 931/Zx1041/Z ±2	Bộ	2		

		Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(Dọc\Ngang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(Dọc\Ngang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo : Cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, trên ngực trái có in tên bệnh viện. + Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau				
15	Trang phục của bộ phận hành chính, thu ngân, ngăn tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate hoặc tương đương - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(Dọc\Ngang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(Dọc\Ngang) 45.0x47.9±0.2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (ISO 7211-4:1984)(Dọc\Ngang) 931/Zx1041/Z ±2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1:2000)(Dọc\Ngang) 17.6x12.2 ±0.2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021)(Dọc\Ngang) (-1.4)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP)(ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Hàm lượng formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011) không phát hiện (<16PPM) Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.3 ±0.5 Cotton 35.7 ±0.5 + Áo Nam: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay, màu xanh nõn chuối + Quần Nam: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau, màu đen + Áo Nữ: Áo cổ tim, cúc cài giữa, ngắn tay, màu xanh nõn chuối + Quần Nữ: Váy chữ A, xẻ sau, màu đen	Bộ	9		
16	Trang phục của bộ phận hành chính, thu ngân dài tay	- Chất lượng mới 100% - Chất liệu: Vải Kate hoặc tương đương - Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 105.3 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984)(Dọc\Ngang) 455x314±2 Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020)(Dọc\Ngang) 45.0x47.9±0.2	Bộ	27		

[illegible]